

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 294/QĐ- DRC

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng “LỚP NÔNG NGHIỆP”

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT- BKHCN ngày 18/11/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Phòng KCS.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng:

- Tên tiêu chuẩn : **LỚP NÔNG NGHIỆP**
- Ký hiệu : **TCCS 03:2025/DRC**

Điều 2. Tiêu chuẩn TCCS 03:2025/DRC qui định yêu cầu kỹ thuật áp dụng cho sản phẩm LỚP NÔNG NGHIỆP (Phụ lục kèm theo) do Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng sản xuất.

Tiêu chuẩn này là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm của Công ty.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông/bà Phó Tổng giám đốc, các phòng, ban, xí nghiệp sản xuất căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KS.



Lê Hoàng Khánh Nhựt

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT Lốp NÔNG NGHIỆP
(SPECIFICATIONS OF AGRICULTURAL TIRES)

STT (No.)	Mã R12	Tên Lốp	Quy Cách (SIZE)	Kiểu Hoa (PATTERN)	Ký hiệu theo TRA	PR (Ply Rating)	Kiểu lốp TYPE		Số bước hoa (No.)	Sâu hoa (Tread Depth) (mm)	Rộng mặt chạy (Tread Width) (mm) ±5	Vành (RIM)	Kích thước lốp (DIMENSION DATA)		Áp lực bơm hơi (Inflation pressure) (Kpa)	Tải Load (kg)	Chỉ số tải (Load Index)
							Cố sãm T/T	Không sãm T/L					ĐK ngoài (Overall Diameter) (mm) ±2%	Rộng hông lốp (Section Width) (mm) ±4%			
1	A4.00-8/DA-52A(R-1W)/4PR	Lốp 4.00-8/DA-52A(R-1W)/4PR	4.00-8	DA-52A	R-1W	4	x	-	10	26	100	3.00x8	435	112	240	155	43
2	A4.00-8/DA-53D/4PR	Lốp 4.00-8/DA-53D/4PR	4.00-8	DA-53D	-	4	x	-	-	7	85	3.00x8	414	112	240	155	43
3	A4.00-10/24B/6PR/NHS	Lốp 4.00-10/24B/6PR/NHS	4.00-10	24B	-	6	x	-	-	7	68	3.00x10	460	110	325	365	73
4	A4.00-10/DA-52A(R-1W)/4PR	Lốp 4.00-10/DA-52A(R-1W)/4PR	4.00-10	DA-52A	R-1W	4	x	-	-	26	100	3.00x10	485	112	240	180	48
5	A4.00-12/DA-55B/10PR	Lốp 4.00-12/DA-55B/10PR	4.00-12	DA-55B	F-1	10	x	-	-	10	95	3.00x12	535	120	325	250	60
8	A5.00-12/DA-51F/8PR/SD	Lốp 5.00-12/DA-51F/8PR/SD	5.00-12	DA-51F	G-1	8	x	-	14	24	120	4.00x12	580	130	230	218	55
9	A5.00-12/DA-51F/10PR	Lốp 5.00-12/DA-51F/10PR	5.00-12	DA-51F	G-1	10	x	-	14	24	120	4.00x12	580	130	240	224	56
11	A6.00-12/DA-53/8PR/SD	Lốp 6.00-12/DA-53/8PR/SD	6.00-12	DA-53	R-1	8	x	-	14	24	160	5 JAx12	635	157	220	257	61
12	A6.00-12/DA-53/10PR	Lốp 6.00-12/DA-53/10PR	6.00-12	DA-53	R-1	10	x	-	14	24	160	5 JAx12	635	157	240	272	63
13	A6.00-12/DA-53/10PR/VOI	Lốp 6.00-12/DA-53/10PR/VOI	6.00-12	DA-53	R-1	10	x	-	14	24	160	5 JAx12	635	157	240	272	63
14	A6.00-12/DA-53/12PR/LG	Lốp 6.00-12/DA-53/12PR/LG	6.00-12	DA-53	R-1	12	x	-	14	24	160	5 JAx12	635	157	240	272	63
15	A6.00-12/DA-53/12PR/LG/VOI	Lốp 6.00-12/DA-53/12PR/LG/VOI	6.00-12	DA-53	R-1	12	x	-	14	24	160	5 JAx12	635	157	240	272	63
16	A6.50-12/DA-53(G1-W)/18PR	Lốp 6.50-12/DA-53(G1-W)/18PR	6.50-12	DA-53	G1-W	18	x	-	13	27	180	5 JAx12	685	185	350	487	83
17	A6.50-12/DA-53(G1-W)/18PR/N	Lốp 6.50-12/DA-53(G1-W)/18PR/N	6.50-12	DA-53	G1-W	18	x	-	13	27	180	5 JAx12	685	185	350	487	83
18	A6.50-12/DA-53/14PR	Lốp 6.50-12/DA-53/14PR	6.50-12	DA-53	R-1	14	x	-	13	24	175	5 JAx12	660	175	300	400	76
19	A6.50-12/DA-53/14PR/VOI	Lốp 6.50-12/DA-53/14PR/VOI	6.50-12	DA-53	R-1	14	x	-	13	24	175	5 JAx12	660	175	300	400	76
20	A6.50-12/DA-53/16PR/VOI	Lốp 6.50-12/DA-53/16PR/VOI	6.50-12	DA-53	R-1	16	x	-	13	24	175	5 JAx12	660	175	350	462	81
21	A6.50-12/DA-53N/16PR	Lốp 6.50-12/DA-53N/16PR	6.50-12	DA-53N	R-1	16	x	-	13	26	175	5 JAx12	664	175	350	462	81
22	A6.50-12/DA-53N/16PR/VOI	Lốp 6.50-12/DA-53N/16PR/VOI	6.50-12	DA-53N	R-1	16	x	-	13	26	175	5 JAx12	664	175	350	462	81
23	A5-14/DA-51F/10PR	Lốp 5-14/DA-51F/10PR	5-14	DA-51F	G-1	10	x	-	14	20	120	5 JAx12	608	130	240	250	60
24	A5-14/KN120/10PR/KUMA	Lốp 5-14/KN120/10PR/KUMA	5-14	KN120	G-1	10	x	-	14	20	120	5 JAx12	608	130	240	250	60
25	A6.00-14/DA-53/10PR	Lốp 6.00-14/DA-53/10PR	6.00-14	DA-53	R-1	10	x	-	14	24	150	5 JAx14	645	157	200	307	67
26	A6.00-14/KN114/10PR/KUMA	Lốp 6.00-14/KN114/10PR/KUMA	6.00-14	KN114	R-1	10	x	-	14	24	150	5 JAx14	645	157	200	307	67
27	A6.00-14/DA-53/10PR/VOI	Lốp 6.00-14/DA-53/10PR/VOI	6.00-14	DA-53	R-1	10	x	-	14	24	150	5 JAx14	645	157	200	307	67
28	A6.00-14/DA-53/12PR	Lốp 6.00-14/DA-53/12PR	6.00-14	DA-53	R-1	12	x	-	14	24	150	5 JAx14	645	157	200	307	67
29	A6.00-14/DA-53/12PR/VOI	Lốp 6.00-14/DA-53/12PR/VOI	6.00-14	DA-53	R-1	12	x	-	14	24	150	5 JAx14	645	157	200	307	67
30	A6.50-14/DA-53/10PR	Lốp 6.50-14/DA-53/10PR	6.50-14	DA-53	R-1	10	x	-	14	24	160	5 JAx14	685	157	200	307	67
31	A6.50-14/DA-53/10PR/VOI	Lốp 6.50-14/DA-53/10PR/VOI	6.50-14	DA-53	R-1	10	x	-	14	24	160	5 JAx14	685	157	200	307	67
32	A6.50-14/DA-53/12PR	Lốp 6.50-14/DA-53/12PR	6.50-14	DA-53	R-1	12	x	-	14	24	160	5 JAx14	685	157	240	325	69
33	A6.50-14/DA-53/12PR/VOI	Lốp 6.50-14/DA-53/12PR/VOI	6.50-14	DA-53	R-1	12	x	-	14	24	160	5 JAx14	685	157	240	325	69
34	A6.50-14/DA-53/14PR/VOI	Lốp 6.50-14/DA-53/14PR/VOI	6.50-14	DA-53	R-1	14	x	-	14	24	160	5 JAx14	685	157	260	437	79
35	A6.50-14/DA-53N/14PR/VOI	Lốp 6.50-14/DA-53N/14PR/VOI	6.50-14	DA-53N	R-1	14	x	-	14	29	190	5 JAx14	685	175	240	437	79
36	A6.50-14/DA-53N/18PR/VOI	Lốp 6.50-14/DA-53N/18PR/VOI	6.50-14	DA-53N	R-1	18	x	-	18	29	190	5 JAx14	685	175	300	630	92
37	A7.00-14/DA-52(R1)/10PR	Lốp 7.00-14/DA-52(R1)/10PR	7.00-14	DA-52	R-1	10	x	-	14	22	162	5 JA x14	694	173	240	450	80
38	A4.00-15/DA-55B/10PR	Lốp 4.00-15/DA-55B/10PR	4.00-15	DA-55B	F-1	10	x	-	-	10	94	3.00Dx15	608	115	325	300	66
39	A5.00-15/DA-55B/10PR	Lốp 5.00-15/DA-55B/10PR	5.00-15	DA-55B	F-1	10	x	-	-	13.5	105	3.00Dx15	664	130	425	475	82
40	A5.00-15/KN101/12PR/KUMA	Lốp 5.00-15/KN101/12PR/KUMA	5.00-15	KN101	F-1	12	x	-	-	13.5	105	3.00Dx15	664	130	425	475	82
41	A5.50-16/DA-55B(F1)/10PR	Lốp 5.50-16/DA-55B(F1)/10PR	5.50-16	DA-55B	F-1	10	x	-	-	15.5	125	4.00E	713	150	750	800	100
42	A7-16/DA-51F(G1)/10PR	Lốp 7-16/DA-51F(G1)/10PR	7-16	DA-51F	G-1	10	x	-	14	26	165	5JAx16	742	183	250	500	84
43	A7.50-16/DA-52(R1)/10PR	Lốp 7.50-16/DA-52(R1)/10PR	7.50-16	DA-52	R-1	10	x	-	14	32	180	5.50Fx16	805	205	330	850	102
44	A7.50-16/DA-52B(R1)/8PR	Lốp 7.50-16/DA-52B(R1)/8PR	7.50-16	DA-52B	R-1	8	x	-	17	23	170	5.50Fx16	805	205	310	800	100
45	A7.50-16/KN117/16PR/KUMA	Lốp 7.50-16/KN117/16PR/KUMA	7.50-16	KN117	R-1	16	x	-	17	23	170	5.50Fx16	805	205	310	800	100
46	A7.50-16/DA-52B(R1)/12PR	Lốp 7.50-16/DA-52B(R1)/12PR	7.50-16	DA-52B	R-1	12	x	-	17	23	170	5.50Fx16	805	205	425	925	105
47	A8-16/DA-51F(G1)/10PR/SD	Lốp 8-16/DA-51F(G1)/10PR/SD	8-16	DA-51F	G-1	10	x	-	13	30	202	W6x16	790	211	250	670	94
48	A8-16/DA-51F(G1)/12PR	Lốp 8-16/DA-51F(G1)/12PR	8-16	DA-51F	G-1	12	x	-	13	30	202	W6x16	790	211	300	730	97
49	A8.00-16/DA-53A(G-1W)/12PR/SD	Lốp 8.00-16/DA-53A(G-1W)/12PR/SD	8.00-16	DA-53A	G-1W	12	x	-	12	31	202	W6x16	815	198	300	730	97
51	A9.5-16/DA-51B(R1)/12PR	Lốp 9.5-16/DA-51B(R1)/12PR	9.5-16	DA-51B	R-1	12	x	-	17	33	230	W8x16	845	241	240	875	103
52	A9.5-16/DA-51B(R1)/12PR/SD	Lốp 9.5-16/DA-51B(R1)/12PR/SD	9.5-16	DA-51B	R-1	12	x	-	17	33	230	W8x16	845	241	240	875	103
53	A8-18/DA-51F(G1)/10PR/SD	Lốp 8-18/DA-51F(G1)/10PR/SD	8-18	DA-51F	G-1	10	x	-	14	30	202	W6x18	840	211	250	730	97
54	A8-18/KN120/12PR/SD/KUMA	Lốp 8-18/KN120/12PR/SD/KUMA	8-18	KN120	G-1	12	x	-	14	30	202	W6x18	840	211	300	800	100
55	A8-18/DA-51F(G1)/12PR	Lốp 8-18/DA-51F(G1)/12PR	8-18	DA-51F	G-1	12	x	-	14	30	202	W6x18	840	211	300	800	100
56	A8.00-18/DA-51B(R1)/12PR	Lốp 8.00-18/DA-51B(R1)/12PR	8.00-18	DA-51B	R-1	12	x	-	18	30	202	W6x18	840	211	300	800	100
57	A7.50-20/DA-55F/10PR	Lốp 7.50-20/DA-55F/10PR	7.5-20	DA-55F	F-1	10	x	-	-	18	190	5.50Fx20	910	205	370	1030	109
58	A8.3-20/DA-52A(R1W)/12PR	Lốp 8.3-20/DA-52A(R1W)/12PR	8.3-20	DA-52A	R-1W	12	x	-	15	36.8	204	W7x20	890	211	240	825	101
59	A8.3-20/DA-52A(R-1W)/12PR/SD	Lốp 8.3-20/DA-52A(R-1W)/12PR/SD	8.3-20	DA-52A	R-1W	12	x	-	15	36.8	204	W7x20	890	211	240	825	101
60	A8.3-20/KN109/12PR/SD/KUMA	Lốp 8.3-20/KN109/12PR/SD/KUMA	8.3-20	KN109	R-1W	12	x	-	15	36.8	204	W7x20	890	211	240	825	101
61	A9.00-20/DA-55F/8PR	Lốp 9.00-20/DA-55F/8PR	9.5-20	DA-55F	F-1	12	x	-	15	33	230	5.50Fx20	946	210	260	1120	112
62	A9.5-20/DA-51B(R1)/12PR	Lốp 9.5-20/DA-51B(R1)/12PR	9.5-20	DA-51B	R-1	12	x	-	15	33	230	W8x20	945	241	240	950	106
63	A11.2-20/DA-51C/8PR	Lốp 11.2-20/DA-51C/8PR	11.2-20	DA-51C	R-1	8	x	-	15	33	227	W10x20	985	284	210	1180	114

(X) TP
NĂM
PHÁP
NG T

STT (No.)	Mã R12	Tên Lớp	Quy Cách (SIZE)	Kiểu Hoa (PATTERN)	Ký hiệu theo TRA	PR (Ply Rating)	Kiểu lớp TYPE		Số bước hoa (No.)	Sâu hoa (Tread Depth) (mm)	Rộng mặt chạy (Tread Width) (mm) ±5	Vành (RIM)	Kích thước lớp (DIMENSION DATA)		Áp lực bơm hơi (Inflation pressure) (Kpa)	Tải Load (kg)	Chỉ số tải (Load Index)
							Có sấm T/T	Không sấm T/L					ĐK ngoài (Overall Diameter) (mm) ±2%	Rộng hông lớp (Section Width) (mm) ±4%			
64	A11.2-20DA-51C/8PR/SD	Lớp 11.2-20DA-51C/8PR/SD	11.2-20	DA-51C	R-1	8	x	-	18	35	227	W10x20	985	284	190	1120	112
65	A11.2-20KN115/12PR/SD/KUMA	Lớp 11.2-20KN115/12PR/SD/KUMA	11.2-20	KN115	R-1	8	x	-	18	35	227	W10x20	985	284	190	1120	112
67	A13.6-20DA-51C/12PR	Lớp 13.6-20DA-51C/12PR	13.6-20	DA-51C	R-1	12	x	-	19	25	334	W12x20	1060	345	240	1750	127
68	A13.6-20DA-51C/12PR/SD	Lớp 13.6-20DA-51C/12PR/SD	13.6-20	DA-51C	R-1	12	x	-	19	25	334	W12x20	1060	345	240	1750	127
69	A12.00-20DA-54B(R2Y)16PR	Lớp 12.00-20DA-54B(R2Y)16PR	12.00-20	DA-54B	R-2	16	x	-	16	40	276	8.50Vx20	1099	293	260	1750	127
70	A8.3-22DA-51B(R1)/12PR	Lớp 8.3-22DA-51B(R1)/12PR	8.3-22	DA-51B	R-1	12	x	-	18	30	202	W7x22	940	211	300	900	104
71	A8.3-22DA-52A(R1W)/12PR	Lớp 8.3-22DA-52A(R1W)/12PR	8.3-22	DA-52A	R-1W	12	x	-	15	36	202	W7x22	940	211	300	900	104
72	A8.3-22KN109/12PR/KUMA	Lớp 8.3-22KN109/12PR/KUMA	8.3-22	KN109	R-1W	12	x	-	15	36	202	W7x22	940	211	300	900	104
73	A9.5-22DA-52A(R1W)/12PR	Lớp 9.5-22DA-52A(R1W)/12PR	9.5-22	DA-52A	R-1W	12	x	-	14	40	230	W8x22	1010	241	300	1120	112
74	A9.5-22DA-52A(R1W)/12PR/SD	Lớp 9.5-22DA-52A(R1W)/12PR/SD	9.5-22	DA-52A	R-1W	12	x	-	14	40	230	W8x22	1010	241	300	1120	112
75	A9.5-22DA-51B(R1)/12PR	Lớp 9.5-22DA-51B(R1)/12PR	9.5-22	DA-51B	R-1	12	x	-	19	33	230	W8x22	995	241	300	1120	112
76	A9.5-22DA-51B(R1)/12PR/SD	Lớp 9.5-22DA-51B(R1)/12PR/SD	9.5-22	DA-51B	R-1	12	x	-	19	33	230	W8x22	995	241	300	1120	112
78	A9.5-22DA-51E(R1)/10PR/SD	Lớp 9.5-22DA-51E(R1)/10PR/SD	9.5-22	DA-51E	R-1	10	x	-	17	28	220	W8x22	995	241	260	1030	109
79	A8.3-24DA-51B(R1)/12PR	Lớp 8.3-24DA-51B(R1)/12PR	8.3-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	30	202	W7x24	995	211	300	975	107
80	A8.3-24KN109/12PR/KUMA	Lớp 8.3-24KN109/12PR/KUMA	8.3-24	KN109	R-1	12	x	-	19	30	202	W7x24	995	211	300	975	107
81	A8.3-24DA-52A(R1W)/12PR	Lớp 8.3-24DA-52A(R1W)/12PR	8.3-24	DA-52A	R-1W	12	x	-	15	36	202	W7x24	995	211	300	975	107
82	A9.5-24DA-51B(R1)/10PR/SD	Lớp 9.5-24DA-51B(R1)/10PR/SD	9.5-24	DA-51B	R-1	10	x	-	19	33	230	W8x24	1050	241	275	1120	112
83	A9.5-24DA-51B(R1)/12PR/SD	Lớp 9.5-24DA-51B(R1)/12PR/SD	9.5-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	33	230	W8x24	1050	241	300	1180	114
84	A9.5-24KN109/12PR/SD/KUMA	Lớp 9.5-24KN109/12PR/SD/KUMA	9.5-24	KN109	R-1	12	x	-	19	33	230	W8x24	1050	241	300	1180	114
86	A9.5-24DA-51B(R1)/12PR	Lớp 9.5-24DA-51B(R1)/12PR	9.5-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	33	230	W8x24	1050	241	300	1180	114
87	A9.5-24DA-52A(R1W)/10PR/SD	Lớp 9.5-24DA-52A(R1W)/10PR/SD	9.5-24	DA-52A	R-1W	10	x	-	15	40	230	W8x24	1062	241	275	1120	112
88	A9.5-24DA-52A(R1W)/12PR	Lớp 9.5-24DA-52A(R1W)/12PR	9.5-24	DA-52A	R-1W	12	x	-	15	40	230	W8x24	1062	241	300	1180	114
89	A11.2-24DA-52A(R1W)/10PR	Lớp 11.2-24DA-52A(R1W)/10PR	11.2-24	DA-52A	R-1W	10	x	-	15	42	267	W10x24	1105	284	240	1215	115
90	A11.2-24DA-52A(R1W)/10PR/SD	Lớp 11.2-24DA-52A(R1W)/10PR/SD	11.2-24	DA-52A	R-1W	10	x	-	15	42	267	W10x24	1105	284	240	1215	115
91	A11.2-24DA-52A(R1W)/12PR	Lớp 11.2-24DA-52A(R1W)/12PR	11.2-24	DA-52A	R-1W	12	x	-	15	42	267	W10x24	1105	284	280	1400	120
92	A11.2-24DA-52A(R1W)/12PR/SD	Lớp 11.2-24DA-52A(R1W)/12PR/SD	11.2-24	DA-52A	R-1W	12	x	-	15	42	267	W10x24	1105	284	280	1400	120
93	A11.2-24DA-51B(R1)/10PR/SD	Lớp 11.2-24DA-51B(R1)/10PR/SD	11.2-24	DA-51B	R-1	10	x	-	19	35	267	W10x24	1110	284	240	1215	115
94	A11.2-24DA-51B(R1)/12PR	Lớp 11.2-24DA-51B(R1)/12PR	11.2-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	35	267	W10x24	1110	284	280	1400	120
95	A11.2-24DA-51B(R1)/12PR/SD	Lớp 11.2-24DA-51B(R1)/12PR/SD	11.2-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	35	267	W10x24	1110	284	280	1400	120
97	A12.4/11-24DA-51B(R1)/12PR	Lớp 12.4/11-24DA-51B(R1)/12PR	12.4/11-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	35	267	W11x24	1115	310	280	1750	127
98	A12.4-24DA-51B(R1)/12PR	Lớp 12.4-24DA-51B(R1)/12PR	12.4-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	36	300	W11x24	1160	315	280	1750	127
99	A12.4-24DA-51B(R1)/12PR/SD	Lớp 12.4-24DA-51B(R1)/12PR/SD	12.4-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	36	300	W11x24	1160	315	280	1750	127
101	A12.4-24DA-52A(R1W)/10PR	Lớp 12.4-24DA-52A(R1W)/10PR	12.4-24	DA-52A	R-1W	10	x	-	15	44	290	W11x24	1160	315	200	1250	116
102	A12.4-24DA-52A(R1W)/10PR/SD	Lớp 12.4-24DA-52A(R1W)/10PR/SD	12.4-24	DA-52A	R-1W	10	x	-	15	44	290	W11x24	1160	315	200	1250	116
103	A12.4-24DA-52A(R1W)/12PR	Lớp 12.4-24DA-52A(R1W)/12PR	12.4-24	DA-52A	R-1W	12	x	-	15	44	290	W11x24	1160	315	280	1750	127
104	A12.4-24DA-52A(R1W)/12PR/SD	Lớp 12.4-24DA-52A(R1W)/12PR/SD	12.4-24	DA-52A	R-1W	12	x	-	15	44	290	W11x24	1160	315	280	1750	127
105	A12.4-24DA-54B(R2Y)12PR	Lớp 12.4-24DA-54B(R2Y)12PR	12.4-24	DA-54B	R-2	12	x	-	14	67	295	W11x24	1192	315	280	1750	127
106	A12.4-24DA-54B(R2Y)12PR/SD	Lớp 12.4-24DA-54B(R2Y)12PR/SD	12.4-24	DA-54B	R-2	12	x	-	14	67	295	W11x24	1192	315	280	1750	127
107	A13.6-24DA-51B(R1)/12PR	Lớp 13.6-24DA-51B(R1)/12PR	13.6-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	37.5	320	W12x24	1210	345	240	1850	129
108	A13.6-24DA-54B(R2Y)12PR	Lớp 13.6-24DA-54B(R2Y)12PR	13.6-24	DA-54B	R-2	12	x	-	14	70	326	W12x24	1246	345	240	1850	129
109	A14.9-24DA-51B(R1)/12PR	Lớp 14.9-24DA-51B(R1)/12PR	14.9-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	38.5	360	W13x24	1265	378	260	2000	132
110	A14.9-24DA-51B(R1)/12PR/SD	Lớp 14.9-24DA-51B(R1)/12PR/SD	14.9-24	DA-51B	R-1	12	x	-	19	38.5	360	W13x24	1265	378	260	2000	132
111	A13.6-26DA-52A(R1W)/10PR	Lớp 13.6-26DA-52A(R1W)/10PR	14.9-24	DA-52A	R-1W	10	x	-	16	45	326	W12x26	1260	345	200	1700	126
112	A13.6-26DA-52A(R1W)/12PR	Lớp 13.6-26DA-52A(R1W)/12PR	13.6-26	DA-52A	R-1W	12	x	-	16	45	326	W12x26	1260	345	240	1900	130
113	A13.6-26DA-52A(R1W)/12PR/SD	Lớp 13.6-26DA-52A(R1W)/12PR/SD	13.6-26	DA-52A	R-1W	12	x	-	16	45	326	W12x26	1260	345	240	1900	130
114	A13.6-26DA-54B(R2Y)12PR	Lớp 13.6-26DA-54B(R2Y)12PR	13.6-26	DA-54B	R-2	12	x	-	14	70	326	W12x26	1296	345	240	1900	130
115	A13.6-26DA-54B(R2Y)12PR/SD	Lớp 13.6-26DA-54B(R2Y)12PR/SD	13.6-26	DA-54B	R-2	12	x	-	14	70	326	W12x26	1296	345	240	1900	130
116	A12.4-28DA-51B(R1)/12PR	Lớp 12.4-28DA-51B(R1)/12PR	12.4-28	DA-51B	R-1	12	x	-	20	36.5	300	W11x28	1260	315	240	1800	128
117	A12.4-28DA-51B(R1)/12PR/SD	Lớp 12.4-28DA-51B(R1)/12PR/SD	12.4-28	DA-51B	R-1	12	x	-	20	36.5	300	W11x28	1260	315	240	1800	128
118	A12.4-28DA-52A(R1W)/12PR	Lớp 12.4-28DA-52A(R1W)/12PR	12.4-28	DA-52A	R-1W	12	x	-	16	44	300	W11x28	1260	315	240	1800	128
119	A14.9-28DA-51B(R1)/12PR	Lớp 14.9-28DA-51B(R1)/12PR	14.9-28	DA-51B	R-1	12	x	-	20	38.5	360	W13x28	1365	378	240	2360	138
120	A14.9-28DA-51B(R1)/12PR/SD	Lớp 14.9-28DA-51B(R1)/12PR/SD	14.9-28	DA-51B	R-1	12	x	-	20	38.5	360	W13x28	1365	378	240	2360	138
121	A14.9-28DA-54B(R2Y)12PR	Lớp 14.9-28DA-54B(R2Y)12PR	14.9-28	DA-54B	R-2	12	x	-	15	73	360	W13x28	1365	378	240	2360	138
122	A14.9-28DA-54B(R2Y)10PR/SD	Lớp 14.9-28DA-54B(R2Y)10PR/SD	14.9-28	DA-54B	R-2	10	x	-	15	73	360	W13x28	1365	378	220	1900	130
123	A16.9-28DA-51D(R1Y)10PR	Lớp 16.9-28DA-51D(R1Y)10PR	16.9-28	DA-51D	R-1	10	x	-	20	33	385	W151x28	1435	429	190	2120	134
124	A16.9-28DA-51B(R1)/12PR	Lớp 16.9-28DA-51B(R1)/12PR	16.9-28	DA-51B	R-1	12	x	-	20	40	395	W151x28	1435	429	240	2900	145
125	A16.9-28DA-51B(R1)/12PR/SD	Lớp 16.9-28DA-51B(R1)/12PR/SD	16.9-28	DA-51B	R-1	12	x	-	20	40	395	W151x28	1435	429	240	2900	145
126	A16.9-28DA-54B(R2Y)10PR/SD	Lớp 16.9-28DA-54B(R2Y)10PR/SD	16.9-28	DA-54B	R-2	10	x	-	15	76.2	414	W151x28	1470	429	190	2120	134
127	A16.9-28DA-54B(R2Y)12PR	Lớp 16.9-28DA-54B(R2Y)12PR	16.9-28	DA-54B	R-2	12	x	-	15	76.2	414	W151x28	1470	429	240	2900	145
128	A16.9-28DA-54B(R2Y)12PR/SD/1.N	Lớp 16.9-28DA-54B(R2Y)12PR/SD/1.N	16.9-28	DA-54B	R-2	12	x	-	15	73	360	W151x28	1406	428	240	2900	145
129	A16.9-28DA-54C(R2Y)12PR/SD	Lớp 16.9-28DA-54C(R2Y)12PR/SD	16.9-28	DA-54C	R-2	12	x	-	15	58	414	W151x28	1470	446	240	2900	145
130	A16.9-30DA-52A(R1-WY)16PR	Lớp 16.9-30DA-52A(R1-WY)16PR	16.9-30	DA-52A	R-1W	16	x	-	16	47.6	414	W151x30	1485	429	320	2900	145
131	A16.9-30DA-52A(R1-WY)16PR/SD	Lớp 16.9-30DA-52A(R1-WY)16PR/SD	16.9-30	DA-52A	R-1W	16	x	-	16	47.6	414	W151x30	1485	429	320	2900	145

STT (No.)	Mã R12	Tên Lớp	Quy Cách (SIZE)	Kiểu Hoa (PATTERN)	Ký hiệu theo TRA	PR (Ply Rating)	Kiểu lớp TYPE		Số bước hoa (No.)	Sâu hoa (Tread Depth) (mm)	Rộng mặt chạy (Tread Width) (mm) ±5	Vành (RIM)	Kích thước lớp (DIMENSION DATA)		Áp lực bơm hơi (Inflation pressure) (Kpa)	Tải Load (kg)	Chỉ số tải (Load Index)
							Có sấm T/T	Không sấm T/L					ĐK ngoài (Overall Diameter) (mm) ±2%	Rộng hông lớp (Section Width) (mm) ±4%			
132	A16.9-30DA-54B(R2)12PR	Lớp 16.9-30DA-54B(R2)12PR	16.9-30	DA-54B	R-2	12	x	-	15	76	410	W151.x30	1529	429	230	2500	140
133	A16.9-30DA-54B(R2)12PR/SD	Lớp 16.9-30DA-54B(R2)12PR/SD	16.9-30	DA-54B	R-2	12	x	-	15	76	410	W151.x30	1529	429	230	2500	140
134	A16.9-30DA-51D(R1)10PR	Lớp 16.9-30DA-51D(R1)10PR	16.9-30	DA-51D	R-1	10	x	-	20	38	385	W151.x30	1505	446	190	2240	136
135	A16.9-30DA-51D(R1)12PR/SD	Lớp 16.9-30DA-51D(R1)12PR/SD	16.9-30	DA-51D	R-1	12	x	-	20	38	385	W151.x30	1505	446	230	2500	140
136	A18.4-30DA-51B(R1)12PR	Lớp 18.4-30DA-51B(R1)12PR	18.4-30	DA-51B	R-1	12	x	-	21	45	460	W161.x30	1550	495	175	2650	142
137	A18.4-30DA-51B(R1)16PR	Lớp 18.4-30DA-51B(R1)16PR	18.4-30	DA-51B	R-1	16	x	-	21	45	460	W161.x30	1550	495	240	3250	149
138	A18.4-30DA-51B(R1)18PR/IR	Lớp 18.4-30DA-51B(R1)18PR/IR	18.4-30	DA-51B	R-1	18	x	-	21	45	460	W161.x30	1550	495	350	4250	158
139	A18.4-30DA-51B(R1)16PR/SD	Lớp 18.4-30DA-51B(R1)16PR/SD	18.4-30	DA-51B	R-1	16	x	-	21	45	460	W161.x30	1550	495	240	3250	149
141	A18.4-30DA-54B(R2)10PR	Lớp 18.4-30DA-54B(R2)10PR	18.4-30	DA-54B	R-2	10	x	-	16	80	425	W161.x30	1600	467	150	2300	137
142	A18.4-30DA-54B(R2)10PR/SD	Lớp 18.4-30DA-54B(R2)10PR/SD	18.4-30	DA-54B	R-2	10	x	-	16	80	425	W161.x30	1600	467	150	2300	137
143	A18.4-30DA-54B(R2)12PR	Lớp 18.4-30DA-54B(R2)12PR	18.4-30	DA-54B	R-2	12	x	-	16	80	425	W161.x30	1600	467	175	2500	140
144	A18.4-30DA-54B(R2)16PR	Lớp 18.4-30DA-54B(R2)16PR	18.4-30	DA-54B	R-2	16	x	-	16	80	425	W161.x30	1600	467	240	3075	147
145	A12/13.6-32DA-51G(R1)16PR/SD	Lớp 12/13.6-32DA-51G(R1)16PR/SD	12/13.6-32	DA-51G	R-1	16	x	-	20	45	330	W11x32	1403	355	190	1900	130
146	A16.9-34DA-51B(R1)12PR/SD	Lớp 16.9-34DA-51B(R1)12PR/SD	16.4-34	DA-51B	R-1	12	x	-	21	40	410	W151.x34	1587	429	190	2650	142
147	A18.4-34DA-51B(R1)10PR/SD	Lớp 18.4-34DA-51B(R1)10PR/SD	18.4-34	DA-51B	R-1	10	x	-	21	45	460	W161.x34	1653	495	165	2650	142
148	A18.4-34DA-51B(R1)12PR/SD	Lớp 18.4-34DA-51B(R1)12PR/SD	18.4-34	DA-51B	R-1	12	x	-	21	45	460	W161.x34	1653	495	175	2800	144
149	A18.4-34DA-51B(R1)12PR	Lớp 18.4-34DA-51B(R1)12PR	18.4-34	DA-51B	R-1	12	x	-	21	45	460	W161.x34	1653	495	175	2800	144
150	A18.4-34DA-51B(R1)16PR	Lớp 18.4-34DA-51B(R1)16PR	18.4-34	DA-51B	R-1	16	x	-	21	45	460	W161.x34	1653	495	240	3450	151
151	A18.4-34DA-51B(R1)16PR/SD	Lớp 18.4-34DA-51B(R1)16PR/SD	18.4-34	DA-51B	R-1	16	x	-	21	45	460	W161.x34	1653	495	240	3450	151
152	A18.4-34DA-51B(R1)18PR/IR	Lớp 18.4-34DA-51B(R1)18PR/IR	18.4-34	DA-51B	R-1	18	x	-	21	45	460	W161.x34	1653	495	350	4750	162
153	A18.4-34DA-54B(R2)12PR	Lớp 18.4-34DA-54B(R2)12PR	18.4-34	DA-54B	R-2	12	x	-	16	80	425	W161.x34	1700	467	175	2650	142
154	A18.4-34DA-54B(R2)16PR	Lớp 18.4-34DA-54B(R2)16PR	18.4-34	DA-54B	R-2	16	x	-	16	80	425	W161.x34	1700	467	240	3250	149
155	A13.6-36DA-51B(R1)12PR	Lớp 13.6-36DA-51B(R1)12PR	13.6-36	DA-51B	R-1	12	x	-	21	37.5	320	W12x36	1515	345	220	1950	131
156	A13.6-36DA-51B(R1)14PR	Lớp 13.6-36DA-51B(R1)14PR	13.6-36	DA-51B	R-1	14	x	-	21	37.5	320	W12x36	1515	345	220	1950	131
157	A13.6-36DA-54B(R2)12PR	Lớp 13.6-36DA-54B(R2)12PR	13.6-36	DA-54B	R-2	12	x	-	16	70	340	W12x36	1545	345	220	1950	131
158	A13.6-36DA-54B(R2)12PR/SD	Lớp 13.6-36DA-54B(R2)12PR/SD	13.6-36	DA-54B	R-2	12	x	-	16	70	340	W12x36	1545	345	220	1950	131
159	A15.5-38DA-51B(R1)12PR/SD	Lớp 15.5-38DA-51B(R1)12PR/SD	15.5-38	DA-51B	R-1	12	x	-	22	37.5	370	W141.x38	1570	394	200	2240	136
160	A15.5-38KN109/12PR/SD&UMA	Lớp 15.5-38KN109/12PR/SD&UMA	15.5-38	KN109	R-1	12	x	-	22	37.5	370	W141.x38	1570	394	200	2240	136
162	A15.5-38DA-51B(R1)12PR	Lớp 15.5-38DA-51B(R1)12PR	15.5-38	DA-51B	R-1	12	x	-	22	37.5	370	W141.x38	1570	394	200	2240	136
163	A16.9-38DA-51B(R1)10PR/SD	Lớp 16.9-38DA-51B(R1)10PR/SD	16.9-38	DA-51B	R-1	10	x	-	20	39	400	W151.x38	1690	429	180	2725	143
164	A16.9-38KN109/12PR/SD&UMA	Lớp 16.9-38KN109/12PR/SD&UMA	16.9-38	KN109	R-1	10	x	-	20	39	400	W151.x38	1690	429	180	2725	143
165	A16.9-38DA-51B(R1)12PR	Lớp 16.9-38DA-51B(R1)12PR	16.9-38	DA-51B	R-1	12	x	-	20	39	400	W151.x38	1690	429	200	2900	145
166	A16.9-38DA-51B(R1)16PR	Lớp 16.9-38DA-51B(R1)16PR	16.9-38	DA-51B	R-1	16	x	-	20	39	400	W151.x38	1690	429	240	3250	149
167	A16.9-38DA-51B(R1)16PR/SD	Lớp 16.9-38DA-51B(R1)16PR/SD	16.9-38	DA-51B	R-1	16	x	-	20	39	400	W151.x38	1690	429	240	3250	149
168	A16.9-38KN109/16PR/SD&UMA	Lớp 16.9-38KN109/16PR/SD&UMA	16.9-38	KN109	R-1	10	x	-	20	39	400	W151.x38	1690	429	180	2725	143
169	A16.9-38DA-51B(R1)18PR	Lớp 16.9-38DA-51B(R1)18PR	16.9-38	DA-51B	R-1	18	x	-	20	39	400	W151.x38	1690	429	240	4000	156
170	A18.4-38DA-51D(R1)10PR/SD	Lớp 18.4-38DA-51D(R1)10PR/SD	18.4-38	DA-51D	R-1	10	x	-	21	41	438	W161.x38	1750	467	160	3000	146
171	A18.4-38DA-51D(R1)12PR	Lớp 18.4-38DA-51D(R1)12PR	18.4-38	DA-51D	R-1	12	x	-	21	41	438	W161.x38	1750	467	220	3250	149



Lê Hoàng Khánh Nhứt

P.NC-PT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2025
Người lập

